| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN NAM**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 3054/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2024
*V/v Ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nông Thành Đức

*Các hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 635/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4489/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Kim H, sinh năm 1988

Địa chỉ: 430/4 Trần Văn Thời, khóm 3, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2/ Bị đơn: Ông Vũ Nguyên H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 103/11/02 Đường số 20, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Tạ Thị Kim H trình bày:

Bà Tạ Thị Kim H và ông Vũ Nguyên H chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 18/02/2013, giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013, quyển số 01/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do ông H không quan tâm chăm sóc con cái, lúc con ốm đau thì không có mặt và mâu thuẫn vợ chồng làm ảnh hưởng đến con cái, nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2011 và Vũ Hoàng Quốc A, sinh ngày 01/12/2012. Bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung (02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng/02 con chung) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Vũ Nguyên H có bản tự khai trình bày: ông Vũ Nguyên H và bà Tạ Thị Kim H và chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 18/02/2013, giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013, quyển số 01/2013. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2011 và Vũ Hoàng Quốc A, sinh ngày 01/12/2012. Ông H đồng ý để bà H trực tiếp nuôi 02 con chung và ông H sẽ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung (02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng/02 con chung) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Thị Kim H và bị đơn ông Vũ Nguyên H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do vụ án không thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức không tham gia phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Tạ Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Vũ Nguyên H, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông Vũ Nguyên H cư trú tại thành phố Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Thị Kim H và bị đơn ông Vũ Nguyên H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do vụ án không thu thập chứng cứ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức không tham gia phiên tòa.

[2]Về nội dung: Bà Tạ Thị Kim H, bị đơn ông Vũ Nguyên H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 18/02/2013, giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013, quyển số 01/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Kim H và ông Vũ Nguyên H bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn bà H xin ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống là có cơ sở.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2011 và Vũ Hoàng Quốc A, sinh ngày 01/12/2012. Ông H đồng ý để bà H trực tiếp nuôi 02

con chung và ông H sẽ cấp dưỡng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng/01 con chung (02 con chung là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng/02 con chung) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông H xác định không có.

Từ những nhận định trên thì yêu cầu của bà H được ly hôn với ông H và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Tạ Thị Kim H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0025755, ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp xong án phí.

Về án phí cấp dưỡng: 300.000 đồng, ông Vũ Nguyên H phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Kim H được ly hôn với ông Vũ Nguyên H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/02/2013 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Vũ Hoàng Thiên A, sinh ngày 16/7/2011 và Vũ Hoàng Quốc A, sinh ngày 01/12/2012 cho bà Tạ Thị Kim H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Vũ Nguyên H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung (02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng/02 con chung) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Tạ Thị Kim H, nếu ông Vũ Nguyên H chưa thực hiện hoặc thựa hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng ông Vũ Nguyên H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tạ Thị Kim H, ông Vũ Nguyên H xác định không có.

2/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Tạ Thị Kim H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0025755, ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp xong án phí.

Về án phí cấp dưỡng: 300.000 đồng, ông Vũ Nguyên H phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu HS;
- Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thành Đức**